
NGHIÊN CỨU

Tư duy hướng biển, chính sách bảo vệ chủ quyền và tài nguyên biển trong lịch sử Việt Nam

Nguyễn Văn Kim*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 8 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 9 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 10 năm 2017

Tóm tắt: Là một quốc gia thuộc Đông Nam Á bán đảo, từ những thế kỷ trước, sau Công nguyên, trên lãnh thổ Việt Nam đã hình thành các nền văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh - Champa, Óc Eo - Phù Nam nổi tiếng. Chủ nhân các nền văn hóa đó đã thể hiện rõ đặc tính văn hóa biển, tư duy hướng biển. Qua các tuyến giao lưu kinh tế, văn hóa trên biển, các nền văn hóa cổ đã có nhiều mối liên hệ với các trung tâm văn hóa, văn minh phương Đông và thế giới.

Làm chủ một không gian biển giàu tiềm năng, có nhiều hải cảng tự nhiên nổi tiếng đồng thời có vị trí giao thương trọng yếu ở Đông Á nên biển Việt Nam đã sớm trở thành môi trường sống và là mạch nguồn chủ đạo trong giao lưu kinh tế, văn hoá... với thế giới bên ngoài. Sau thời kỳ Bắc thuộc, bước vào kỷ nguyên độc lập, các triều đại quân chủ như Lý (1009-1225), Trần (1226-1400), Lê sơ (1428-1527), Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn (Đàng Trong, TK XVI-XVIII)... đều có ý thức sâu sắc về biển, chủ quyền biển đảo và vai trò của kinh tế đối ngoại với sự phát triển đất nước.

Với chính quyền Đàng Trong, đón nhận xu thế phát triển của kinh tế thế giới, chúa Nguyễn đã sớm có sự lựa chọn và tập trung phát triển mạnh mẽ kinh tế ngoại thương. Nhờ đó, chỉ trong một thời gian ngắn, Đàng Trong đã trở thành một vương quốc cường thịnh, một trung tâm thương mại lớn của Đông Nam Á. Việc xây dựng được nền tảng kinh tế vững chắc trong đó có ngoại thương không chỉ góp phần đem lại một diện mạo mới cho kinh tế Đàng Trong mà còn tạo nên những điều kiện thiết yếu cho chính quyền này củng cố quyền lực, mở rộng cương vực lãnh thổ và bảo vệ vững chắc chủ quyền dân tộc.

Từ khóa: Biển, tư duy hướng biển, chính sách bảo vệ chủ quyền, tài nguyên biển

1. Mở đầu

Trên bản đồ khu vực châu Á, Việt Nam là một quốc gia thuộc Đông Nam Á bán đảo. Từ

những thế kỷ trước, sau Công nguyên, các nền văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh - Champa, Óc Eo - Phù Nam... đã thể hiện rõ đặc tính văn hóa biển, tư duy hướng biển. Qua các tuyến giao thương trên biển, chủ nhân của các nền văn hóa cổ đã có nhiều mối liên hệ với các trung tâm văn hóa, văn minh phương Đông và thế giới.

* ĐT.: 84-915502198.

Email: nguyenvankimls@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4116>

Làm chủ một không gian biển giàu tiềm năng, có nhiều hải cảng tự nhiên nổi tiếng đồng thời có vị trí trọng yếu trong hệ thống giao thương châu Á nên biển Việt Nam đã sớm trở thành môi trường sống, không gian kinh tế và là mạch nguồn chính giao lưu kinh tế, văn hoá,.. với thế giới bên ngoài. Sau thời kỳ Bắc thuộc, bước vào kỷ nguyên độc lập, các triều đại quân chủ như Lý (1009-1225), Trần (1226-1400), Lê sơ (1428-1527), Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn (Đàng Trong, TK XVI-XVIII),... đều có ý thức sâu sắc về biển.

Khai thác các nguồn tư liệu lịch sử, văn hóa trong nước và quốc tế, trên quan điểm, cách thức tiếp cận Nghiên cứu chuyên ngành kết hợp với Nghiên cứu liên ngành và Khu vực học, bài viết cố gắng phác dựng và minh chứng về một truyền thống biển Việt Nam đồng thời trình bày, phân tích tư duy hướng biển, những chính sách, kinh nghiệm quý,.. của nhiều thế hệ người Việt Nam và của các chính thể, triều đại quân chủ trong việc bảo vệ chủ quyền, vùng đặc quyền kinh tế, các nguồn lợi biển, mở rộng mối bang giao và giao lưu kinh tế với các quốc gia khu vực châu Á và thế giới.

2. Truyền thống và tư duy hướng biển của người Việt

Từ khởi nguyên, biển đã là môi trường sống, là bộ phận hợp thành, góp phần tạo dựng, định diện bản sắc văn hóa và tư duy của người Việt. Trong tiến trình lịch sử, văn hóa dân tộc, nếu như vịnh Bắc Bộ, một trung tâm kinh tế lớn, sớm có mối quan hệ mật thiết với các quốc gia khu vực Đông Bắc Á đặc biệt là trung tâm văn hóa Hoa Nam thì ở phương Nam cũng có vùng Biển Tây rộng lớn¹. Đây chính là cửa ngõ, môi trường tiếp giao kinh tế - văn hóa với Đông

¹ Một số tài liệu gọi vùng biển này là “Vịnh Thái Lan” hay “Vịnh Siam”. Chúng ta cần thống nhất gọi vùng biển phía tây nam của Tổ quốc ta là Biển Tây như cách gọi của triều Nguyễn và nhân dân Nam Bộ. Biển Tây từng là một không gian Địa-kinh tế, Địa-văn hoá quan trọng, nơi hình thành vương quốc - đế chế Phù Nam; nơi Việt Nam có bờ biển, lãnh hải, có nhiều mối quan hệ lâu đời với các quốc gia trong và ngoài khu vực.

Nam Á, Tây Nam Á và đã nuôi dưỡng nhiều quốc gia, nền văn hóa cổ trong đó có Văn hóa Óc Eo - Phù Nam nổi tiếng.

Nằm ở vị trí trung chuyển giữa hai vịnh biển lớn ở phía Bắc và phía Nam là dải bờ biển miền Trung. Do quy định của điều kiện tự nhiên, ở vùng duyên hải này không chỉ có luồng hải sản chạy gần bờ mà còn có nhiều cảng tự nhiên nước sâu, kín gió như: Lạch Trường (Thanh Hóa), Hội Thống (Nghệ An), Kỳ Anh (Hà Tĩnh), Thanh Hà (Thừa Thiên Huế), Chiêm Cảng - Hội An (Quảng Nam), Thu Xà, Bình Châu (Quảng Ngãi), Thị Nại - Nước Mặn (Bình Định),... Các thương cảng miền Trung là nơi gặp gỡ, huyết mạch giao thương của bao lớp người cổ: Chăm, Việt, Ấn, Hoa, Java, Arập,..., các đoàn thuyền buôn châu Á, châu Âu đồng thời cũng là của ngõ tiếp giao của các tộc người sinh sống trên vùng Trường Sơn - Tây Nguyên và các quốc gia láng giềng khu vực: Ai Lao, Chân Lạp².

Trong hành trình lịch sử - văn hóa của dân tộc, biển không chỉ là bộ phận hợp thành mà còn tạo nên đặc tính văn hóa tiêu biểu trong truyền thống văn hóa. Như quy luật tự nhiên, các dòng sông lớn (bồi tụ nên các châu thổ cho các lớp cư dân canh tác lúa nước), đều đổ ra Biển Đông. Sự gặp gỡ giữa các tiềm năng, giá trị văn hóa giữa sông và biển, giữa châu thổ với đại dương, giữa các yếu tố nội sinh với ngoại sinh,.. đã tạo nên các trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị, thương cảng phồn thịnh.

Là một quốc gia thống nhất nhưng có truyền thống văn hóa đa dạng, trong kho tàng văn hóa Việt Nam, về thời lập quốc có biết bao huyền thoại, huyền tích,.. gắn liền với tâm thức của các cộng đồng cư dân về biển. Biển là điểm khởi nguồn đồng thời cũng là nơi trở về của

² Có thể tham khảo Hà Văn Tấn (Cb.): *Khảo cổ học Việt Nam*, tập II, Thời đại kim khí, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1999; Phan Huy Lê: *Tìm về cội nguồn*, tập I, Nxb. Thế Giới, H., 1998; Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ - Viện KHXH tại Tp HCM: *Một số vấn đề về khảo cổ học ở Miền Nam Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1997; Lâm Thị Mỹ Dung - Đặng Hồng Sơn (đồng Cb.): *Khảo cổ học biển đảo Việt Nam - Tiềm năng và triển vọng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2017.

nhiều nhân vật huyền thoại. Thuở *đất - nước* sinh thành, từ *biển*, Lạc Long Quân đã tiến về với *đất (mẹ - mẫu)*, hợp duyên cùng Âu Cơ. Cuộc hôn nhân đó đã sinh thành nên các tộc người Việt. Đến lúc trưởng thành, Lạc Long Quân đã dẫn năm mươi người con về với biển, tiến hành công cuộc khai phá, chinh phục vùng duyên hải và biên khơi. Có thể coi hình tượng 50 người con lên núi theo Mẹ, 50 người con xuống biển theo Cha là cuộc phân công lao động xã hội đầu tiên trong lịch sử dân tộc. Cuộc phân công đó dường như không tiến triển theo mô hình chung mang tính phổ quát là sự chia tách giữa *trồng trọt* với *chăn nuôi* và sau đó là giữa *thủ công nghiệp* với *nông nghiệp*, mà chuyển vận theo một phương thức riêng, đặc thù kiểu Đông Á. Chịu sự chi phối của Hệ sinh thái phổ tạp nhiệt đới (*General ecosystem*), điểm khởi nguyên của cuộc phân công đó là việc *xác lập các không gian khai phá, sinh tồn cho cả một cộng đồng*. Sự phân lập đó đã được tiến hành giữa *biển* với *lục địa*, giữa *đất* và *nước* - Những bộ phận hợp thành, hợp nguyên của một chỉnh thể dân tộc [1]³.

Vào thời lập quốc, cuộc sống của một bộ phận cư dân Việt cổ luôn gắn và gắn với môi trường biển. Theo *Tân đình Lĩnh Nam chích quái* thì vào thời Hùng Vương thứ hai, ở Biên Đông có những loài cá khổng lồ, *khi thuyền buôn đi qua* chúng thường tạo sóng lớn khiến thuyền bị nạn. Loài yêu ấy có thể nhai sống người, nuốt cả thuyền! Chúng hẳn phải sống ở vùng biển sâu, rộng lớn. Sự quấy nhiễu của Ngư tinh khiến nhà vua có ý định tìm con đường khác cho khách thương qua lại. Thấu hiểu nỗi khổ của cư dân và các khách buôn, ở Thủy cung, *Long Quân bèn hoá thân thành một chiếc thuyền buôn* (chứ không phải thuyền đánh cá hay thuyền chiến - TG) đến nơi Ngư tinh thường hay lui tới. Khi Ngư tinh định nuốt lấy

thuyền, Long Quân liền dùng thỏi sắt nung đỏ, nặng ngót trăm cân và grom thần để tiêu diệt [2]⁴.

Như vậy, sức mạnh siêu việt của Lạc Long Quân đã kết hợp với sức mạnh của vũ khí, của thời đại đồ sắt - kim khí để tạo nên sức mạnh tổng hợp chiến thắng Thủy quái - Ngư tinh. Ông đã dùng quyền năng thần thánh của mình để bảo vệ sự bình yên cho biển cả, cho các thuyền buôn qua lại, tiến hành các hoạt động giao thương trên biển. Trong ý nghĩa đó, *Lạc Long Quân chính là vị Thần biển đầu tiên trong tâm thức của cư dân Việt cổ*. Về sau, con cháu của ông, tức các vua Hùng, còn dạy cho dân cách lấy mực đen vẽ mình (xăm hình, chạm trổ) để Giao long sợ, không dám làm hại [2]⁵.

Theo huyền thoại, ông còn từng giúp dân khỏi sự quấy nhiễu của người phương Bắc, ngăn chặn sự xâm lấn của giặc Hồ Tinh (tức nước Hồ Tôn - Chiêm Thành) ở phương Nam. Không chỉ giúp dân diệt trừ hải tặc và nhân tặc, Lạc Long Quân còn “dạy dân cấy lúa, nuôi tằm, bắt đầu đời sống có quy củ” [2]⁶. Như vậy, “Lạc Long Quân đã được diễn tả như là một nhân vật có quyền lực siêu nhiên, nhân vật đó không chỉ thể hiện những phép màu huyền diệu mà còn là người đầu tiên dạy cho dân biết cấy lúa, nuôi tằm đồng thời biết tuân thủ theo những nguyên tắc đạo đức giữa người thống trị và người bị trị cũng như chức phận cha con. Hơn thế nữa, huyền thoại cũng cho biết từ đây người Việt bắt đầu biết đến khái niệm về “Cha” và “Chú”. Trong tâm thức tôn kính các bậc Thủy tổ, tất cả những phẩm cách dũng cảm, sáng tạo nêu trên đã được tôn vinh và hợp thành thiên tính của Lạc Long Quân, vị Anh hùng góp phần

³ Nhà khảo cổ học Nguyễn Khắc Sứ cho rằng: “Cư dân tiền sử Việt Nam tiếp xúc với biển từ khá sớm, nhưng khai thác biển thực sự chỉ bắt đầu từ thời kỳ đá mới. Sự thiết lập văn hóa biển đi liền với sự phân vùng kinh tế - xã hội đầu tiên ở Việt Nam. Trong mỗi vùng văn hóa biển đó có những sáng tạo quan trọng trước hết về đồ gốm, mang ý nghĩa thời đại”.

⁴ Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chích quái*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1993, tr.57.

⁵ Không chỉ cư dân biển, ngay cả những người sống ở vùng rừng núi họ vẫn làm nghề cá và thường bị Giao long làm hại. Tục truyền vua Hùng đã dạy cho họ “lấy mực đen vẽ mình cho quái sợ, Giao long thấy sợ, không dám làm hại”. Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chích quái*, Sđd, tr.48.

⁶ Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chích quái*, Sđd, tr.44.

khai sáng ra đất nước và nền văn hoá dân tộc” [3]⁷.

Cũng theo huyền thoại, đất nước mà Lạc Long Quân và Âu Cơ khai phá là nơi có nhiều nguồn tài nguyên phong phú. Theo huyền sử, “khắp nơi cảnh đẹp, vật lạ, ngọc ngà, châu báu, đồi mồi, vàng bạc, trầm hương, nhục quế các loại rất nhiều, khí hậu thì nóng lạnh chênh lệch nhau nhiều” [2]⁸. Ở đó, “Thời đó chưa có cau, phàm lấy vợ lấy chồng, lấy muối gói làm lễ hỏi, rồi sau giết trâu, bò làm lễ thành hôn. Lại lấy cơm nếp làm lễ nhập phòng, hai bên cùng ăn” [2]⁹. Hẳn là, muối là một loại sản vật quý và nhiều thế kỷ sau nó vẫn là sản vật quý hiếm của cư dân vùng châu thổ, núi cao. Tục lấy muối làm lễ hỏi là một tín ngưỡng vọng biển, chịu ơn Thần biển của người Việt. Do có quyền năng siêu việt, Lạc Long Quân có thể đi (sống) dưới nước như đi (sống) trên cạn. Hiện thân dưới dạng thức một Nhân thần, phép màu của Lạc Long Quân còn là dư ảnh về nếp sống của một sinh thể lưỡng cư, rất điển hình trong lịch sử tiến hoá của nhân loại. Điều đáng chú ý là, hậu duệ của ông, An Dương Vương (với truyền thuyết Nỏ thần nổi tiếng) cũng có một số bảo bối nhiệm màu trong ứng xử với môi trường chính trị khu vực và với biển. Ngoài nỏ thần, vua Thục còn có sừng tê bảy tấc, có thể rẽ nước để nhập về Thủy cung¹⁰.

Điều thú vị là, huyền thoại này có khá nhiều điểm tương đồng với truyền thuyết về thời lập quốc của Phù Nam. Lương thư (một bộ sử nổi tiếng Trung Quốc) viết: “Phía Nam Phù Nam có nước Kiêu, có một người theo thần giáo tên

là Hồn Điền nằm mộng thấy thần cho một cây cung rồi theo thuyền buồn đi ra ngoài biển,.. đến Phù Nam. Dân chúng của Liễu Diệp thấy có thuyền đến, muốn cướp lấy. Hồn Điền liền giương cung bắn. Thuyền bị tên xuyên thủng một bên và trúng người hầu. Liễu Diệp sợ, đem bộ chúng đầu hàng Hồn Điền. Hồn Điền bèn dạy cho Liễu Diệp mặc quân áo, vắn đầu, thân hình không còn loã lồ nữa, rồi cai trị nước ấy, lấy Liễu Diệp làm vợ, sinh con rồi phân đất, phong vương” [4]¹¹.

Mặc dù không thể khẳng định một cách chắc chắn nguồn gốc xuất thân của Hồn Điền nhưng đặt trong bối cảnh lịch sử Phù Nam thời bấy giờ có thể đoán định rằng, Hồn Điền thuộc đẳng cấp Ksatoria (võ sĩ, chiến binh), theo Bà La Môn giáo, từ miền Nam Ấn Độ tới [5]¹². Bằng sức mạnh biểu trưng đầy nam tính, sự hiện diện của Hồn Điền (yếu tố ngoại sinh) đã tác động mạnh đến nữ vương Liễu Diệp (nội sinh), mà theo Lương thư “là một phụ nữ trẻ đẹp, khoẻ mạnh”. Cuộc hợp duyên Hồn Điền - Liễu Diệp và làm thay đổi căn bản lịch sử và xã hội Phù Nam. Từ cuộc giao thoa sinh học đầy nhân tính mang ý nghĩa đặc trưng cho hai thế giới, hai dạng thức văn hoá đó, đã diễn ra những biến chuyển lớn về xã hội. Xã hội mẫu hệ Phù Nam đã căn bản kết thúc để chuyển hóa sang xã hội phụ hệ và người đứng đầu xã hội ấy là một Nam vương. Sau cuộc hôn dung sinh học đồng thời cũng là cuộc biến giao văn hóa đó cư dân Phù Nam đã thiết lập được mối liên hệ mật thiết với Ấn Độ, một trung tâm văn minh lớn của châu Á. Thông qua các con đường truyền bá tôn giáo và giao lưu kinh tế, mô thức chính trị, tri thức quản lý, kỹ thuật luyện kim, sản

⁷ Yamamoto Tatsuro: *Myths Explaining the Vicissitudes of Political Power in Ancient Vietnam*, Acta Asiatica No. 18, 1970, p.82.

⁸ Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chí quái*, Sđd, tr.45.

⁹ Vũ Quỳnh: *Tân đình Lĩnh Nam chí quái*, Sđd, tr.49.

¹⁰ Theo tích An Dương Vương và Thần Kim Quy của *Tân đình Lĩnh Nam chí quái* thì, khi bị Triệu Đà truy đuổi, “vua Thục đã cầm sừng tê bảy tấc, theo Rùa vàng rẽ nước mà vào Thủy cung”, Sđd, tr.131. Xem thêm phần Cổ tích và sản vật trong *An Nam chí lược* của Lê Tắc tr.64 & 284. Tác giả viết: “Tục truyền An Dương Vương có sừng văn tê dài bảy tấc, khi đánh trận thua, ném sừng tê xuống biển, nước rẽ ra, Vương chạy vào nước thoát nạn”, Sđd, tr.284.

¹¹ Lương thư, Tư liệu Trung Quốc viết về Việt Nam và Đông Nam Á, Phòng Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH & NV, số TL 558, tr. 53.

¹² Chia sẻ quan điểm với Pelliot trong tác phẩm “*Le Fou-nan*”, p. 303 “*Quelques textes Chinois concernant l’Indochine Hindouisée*” Et.Asiat, EFEO, II, p. 243, G.Coedès cho rằng: “Theo Khang Thái, vua đầu tiên của Phù Nam chắc hẳn là Hồn Điền, đó chính là Kaundinya, ông có thể từ Ấn Độ, từ bán đảo Mã Lai hay từ các đảo phương Nam tới”, G. Coedès: *The Indianized States of Southeast Asia*, University of Hawaii Press, Honolulu, 1968, p. 37.

xuất thủ công, kỹ thuật canh tác nông nghiệp... cùng bao tri thức khác từ vùng Nam Ấn đã lan tỏa đến vương quốc này. Nhờ có tiềm năng kinh tế và giao thương biển, Phù Nam đã mau chóng mở rộng cương vực lãnh thổ, trở thành một trong những quốc gia hình thành sớm và đạt trình độ phát triển cao nhất ở Đông Nam Á. Trong khoảng 5 thế kỷ, Phù Nam đã là một *Vương quốc biển* rồi *Đế chế biển* có nhiều ảnh hưởng với đời sống chính trị, văn hoá và quan hệ giao thương khu vực. Nhiều quốc gia Đông Nam Á phải thần phục Phù Nam [6]¹³.

Là cư dân sống ở vùng bán đảo, chủ nhân các nền văn hoá cổ vừa tiếp nhận, hội nhập với các nền văn hoá “lục địa” vừa hoà mình với môi trường văn hoá biển, đảo. Các phát hiện Khảo cổ học cho thấy, vào thời đá mới, tiếp nối những phát triển của Soi Nhụ [7]¹⁴, Cái Bèo - một di chỉ được coi là “đã đánh dấu việc mở đầu phân vùng kinh tế tiền sử Việt Nam” [8]¹⁵,... vào thời hậu kỳ đá mới, ở vùng Đông Bắc nước ta, một bộ phận quan trọng của Biển Đông, đã hình thành một nền *Văn hóa biển Hạ Long* phát triển rực rỡ. Theo đó, “Những dấu ấn văn hoá Hạ Long không chỉ tìm thấy trên toàn

bộ khu vực miền Bắc Việt Nam hiện nay mà còn thấy cả ở miền Trung, miền Nam và xa hơn thế nữa, ở cả Nam Trung Quốc, Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo” [9]¹⁶.

Đến thời đại kim khí, các nền văn hóa như Đông Sơn, Sa Huỳnh, Đông Nai,... đều có mối liên hệ rộng lớn với các nền văn hóa châu Á. Bằng các phương tiện đi biển giản đơn, từ phương Bắc xuống, từ phía Nam lên, từ miền Tây xuống, từ phía Đông về, vùng duyên hải và biển đảo Việt Nam trở thành nơi gặp gỡ, địa bàn tiếp giao văn hóa, trao đổi sản vật của cư dân nhiều quốc gia khu vực. Dấu ấn để lại là, sự hiện diện, hỗn dung của các nhóm di dân Hoa, Ấn, Malayo - Polynesien và sau đó là người Tây Á với cư dân bản địa [10]¹⁷. Sự xuất hiện của những cộng đồng cư dân biển đó nói ngôn ngữ Mã Lai - Đa đảo (như *Pu-lao* hay *Bù-lao*, *Bô-lô* tức Cù lao [2, 11]¹⁸) đã đem lại những sinh lực phát triển mới, góp phần mở rộng không gian, tư duy kinh tế, khuyến khích truyền thống hướng biển, năng lực khai thác biển của các cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Đối diện với biển rồi từng bước vươn ra đại dương, người Việt dần thấu hiểu, nếm trải sức mạnh và cả những năng lực ẩn tàng của biển. Trải qua nhiều thế hệ, họ đã dần tích lũy *kinh nghiệm về biển*, hình thành *tri thức biển* và chiêm nghiệm, nghĩ suy về vị thế biển, tiềm năng và sức mạnh của biển với cuộc sống và sự luân chuyển của thế giới. Để chinh phục biển

¹³ Phan Huy Lê: *Qua di tích Văn hoá Óc Eo và thư tịch cổ thử nhận diện nước Phù Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 11 (379) 2007. Trong công trình này tác giả đã phân lập các khái niệm và không gian của “*vương quốc Phù Nam*” và “*đế chế Phù Nam*”. Theo đó, vương quốc Phù Nam là cốt lõi, trung tâm còn đế chế Phù Nam thì bao gồm nhiều “*thuộc quốc*”, “*chi nhánh*” hay “*nước kìm*”.

¹⁴ Nhận xét về di chỉ Soi Nhụ, nhà KCH Trình Năng Chung cho rằng: “Soi Nhụ là một trong những di chỉ khảo cổ học quan trọng bậc nhất trong khu vực biển, hải đảo của miền Đông Bắc nước ta. Về mặt không gian, nó nằm ven bờ của đảo Cái Bèo lớn nhất vịnh Bái Tử Long và đối mặt với biển khơi, là một trong những đầu mối giao lưu văn hóa của toàn vùng Bắc Bộ với Nam Trung Quốc và với Đông Nam Á. Về thời gian nó tương đương với văn hóa Hòa Bình – Bắc Sơn. Tuy nhiên, Soi Nhụ có những khác biệt cơ bản so với các di tích Hòa Bình - Bắc Sơn ở không gian sinh tồn”. Trình Năng Chung: *Khảo cổ học tiền sử Văn Đôn (Quảng Ninh) - Tư liệu và nhận thức*, Tạp chí Khảo cổ học, số 6 (156), 2008, tr.10.

¹⁵ Nguyễn Khắc Sử: *Di chỉ tiền sử Cái Bèo, Đảo Cát Bà*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2009, tr.298. Có thể tham khảo thêm Hà Hữu Nga - Nguyễn Văn Hào: *Hạ Long thời tiền sử*, Ban quản lý vịnh Hạ Long, Hạ Long, Quảng Ninh, 2002.

¹⁶ Hà Văn Tấn (Cb.): *Khảo cổ học Việt Nam*, Tập I, Thời đồ đá, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1998, tr.267. Tham khảo thêm Trình Năng Chung: *Mối quan hệ văn hóa thời tiền sử giữa Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2009.

¹⁷ Nguyễn Duy Thiệu: *Các cộng đồng ngư dân thủy cư ở vùng biển Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6, 2003, tr.3-10.

¹⁸ *Lĩnh Nam chích quái* từng cho rằng, thủy tổ của họ là cá rồi dần biến thành người. Đó là những con người lương thiện “chi bắt tôm bắt hến mà ăn. Giống đó có tên là Đản Nhân, ở miền duyên hải, trong hốc đá, sống về nghề cá, có biết ít nhiều về lễ nghĩa, cùng với các dân mán mường giao dịch buôn bán, đổi lấy gạo, vải lụa v.v...”. Vũ Quỳnh: *Tân định Lĩnh Nam chích quái*, Sđđ, tr.55. Nguyễn Lân Cường: *Đặc điểm nhân chủng của cư dân văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1996, tr.143.

khởi và cũng vì lẽ mưu sinh, cư dân biển đã đóng bè mảng, chế thuyền độc mộc, tiến đến phát triển kỹ thuật đóng thuyền, chế bánh lái, cột buồm [12-15]¹⁹. Trước khi biết đến la bàn, những người đi biển giàu kinh nghiệm cũng là những người thông tuệ trong việc quan sát sự chuyển dịch, vị trí của các chòm sao, hướng gió, con nước để đi về và tiến ra các vùng biển xa. Từ thời cổ đại, cư dân biển cũng đã chế tạo lưới câu, chì lưới để đánh bắt tôm cá, biết phát triển kỹ thuật lặn để khai thác san hô, ngọc trai, đồi mồi... Trải qua thời gian, cư dân - ngư dân biển dần hiểu thêm quy luật của các con nước và mối liên hệ giữa biển với sự di chuyển của các luồng cá trong các mùa đánh bắt, địa bàn phân bố, sinh trưởng của các loài thủy sinh.

Trong truyền thống, nếp sống văn hoá của người Việt xưa, cùng với huyền thoại Lạc Long Quân - Âu Cơ, vẫn còn bảo lưu nhiều huyền thoại về biển. Những huyền thoại như Sơn Tinh - Thủy Tinh, Tiên Dung - Chử Đồng Tử... đều thể hiện rõ truyền thống khai thác biển, tư duy hướng biển của người Việt Nam. Khảo cứu các truyền thuyết, huyền thoại đó chúng ta có thể liên tưởng và rút ra những hệ luận về truyền thống đoàn kết, năng lực chống thiên tai, khả năng xây dựng hệ thống thủy nông, quá trình biển tiến - biển lùi, truyền thống ngoại thương cũng như các cuộc chuyển cư lớn của người Việt. Đến nay, ở nhiều vùng ven biển, cư dân vẫn tổ chức lễ hội đua thuyền, lễ chọi trâu, tục thờ Cá Ông, thờ thần Độc Cước, thần Càn Hải Đại Vương, Tứ vị Thánh Nương và nhiều vị thần biển khác [16]²⁰. Trong các sinh hoạt văn

hóa, người Việt luôn thể rõ đặc tính của cư dân biển, ven biển. Thế kỷ XIII, tác giả *An Nam chí lược* Lê Tắc từng nhận xét: “Vi trời nóng sốt, dân ưa tắm ở sông, nên họ chèo đò và lội nước rất giỏi... Tiếp khách thì đãi trà cau. Tính ưa ăn dưa mắm và những vật dưới biển” [17, 18]²¹. Các sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng đó không chỉ là sự thần phục trước sức mạnh của biển mà còn là sự chịu ơn *Thần biển* đã bảo vệ, đem lại nguồn sống cho họ. Với quan niệm về sự tồn tại của “một đường viền văn hoá biển” trong truyền thống văn hoá Việt cổ, GS. Hà Văn Tấn cho rằng, đã “có một lớp hay nhiều lớp dân cư, mang yếu tố văn hoá Nam Đảo, từ rất sớm, rõ nhất là từ cuối thời đại đá mới, đầu thời đại kim khí, đã làm thành một đường viền ven biển Việt Nam và thâm thấu vào những vùng sâu hơn phía trong. Lớp cư dân đó chẳng những không mất đi mà có thể tăng cường trong nhiều đợt, cuối cùng cũng đã hoà lẫn với cộng đồng Việt cổ. Chính đó là một trong những cội nguồn của Việt. Tuy bị hoà lẫn, nó vẫn tạo ra một sắc thái biển cho văn hoá Việt cổ” [19]²².

2. Chính sách bảo vệ chủ quyền và tài nguyên biển

Sau thời kỳ Bắc thuộc, bước vào kỷ nguyên độc lập, tư duy sông nước và môi trường sống của người Việt vẫn gắn liền với các yếu tố sông, biển. Triều Lý (1009-1225) khởi dựng cơ nghiệp ở vùng quê ở bờ Nam sông Cầu và Bắc sông Hồng. Triều Trần (1226-1400) và sau đó là triều Mạc (1527-1592) đều là những thế lực

¹⁹ Ngô Đức Thịnh - Nguyễn Việt: *Thuyền bè truyền thống Việt Nam (Đặt một số vấn đề dưới góc độ dân tộc học)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 6, 1984, tr.48-55 & 82; Piétri: *Ba loại thuyền buồm ven biển Đông Dương ít được biết đến*, Tạp chí Xưa và Nay, số 134, tháng 2, 2003, tr.30-32; Li Tana: *Thuyền và kỹ thuật đóng thuyền ở Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX*, Tạp chí Xưa và Nay, số 131, tháng 1, 2003, tr.21-23; Nguyễn Duy Thiệu: *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2002, tr.185-196.

²⁰ Ngô Đức Thịnh (Cb.): *Văn hoá dân gian làng ven biển*, Nxb. Văn hoá Dân tộc, H., 2000, tr.43-61. Tham khảo thêm Tạ Chí Đại Trường: *Thần, Người và Đất Việt*, Nxb. Văn hoá Thông tin, H., 2006, tr.40-55 & 175-179.

²¹ Lê Tắc: *An Nam chí lược*, Nxb.Thuận Hoá - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, H., 2002, tr.70. Cũng cần phải nói thêm là, trong bài viết *Tản mạn xung quanh chuyện mắm*, GS. Trần Quốc Vương cho rằng “Mắm là một đặc sản Đông Nam Á... Đông Nam Á nhìn chung chăn nuôi không phát triển, lượng đạm động vật trong nền dinh dưỡng ở các nền văn minh cổ truyền Đông Nam Á chủ yếu trông cậy vào nguồn động vật thủy sinh”. Xem Trần Quốc Vương: *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, H., 2000, tr.416.

²² Hà Văn Tấn: *Theo dấu các văn hoá cổ*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1997, tr.717.

trỗi dậy từ vùng ven biển. Đó là những triều đại có tư duy mạnh mẽ, năng động, khoáng đạt.

Ý thức sâu sắc về chủ quyền đất nước, từ thời Lý, chính quyền Thăng Long đã dành nhiều sự quan tâm cho các vùng biển đảo. Bộ chính sử triều Lê là *Đại Việt sử ký toàn thư* từng ghi: Năm 1149, vua Lý Anh Tông (cq:1138-1175) đã có một quyết định lịch sử, khai mở *trang* Vân Đồn ở vùng biển đảo Đông Bắc. Sử chép: “*Mùa Xuân, tháng hai, thuyền buôn các nước Trao Oa, Lộ Lạc, Xiêm La vào Hải Đông, xin cư trú buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là Vân Đồn, để mua bán hàng hóa quý, dâng tiến sản vật địa phương*” [20]²³. Trong thế đối diện với đế chế Tống hùng mạnh ở phương Bắc, vương triều Lý mà đứng đầu là Lý Anh Tông đã quyết định lập một trung tâm kinh tế đối ngoại đầu tiên của quốc gia Đại Việt tự chủ.

Không chỉ dừng lại ở đó, năm 1171, đích thân nhà vua đã “đi tuần các hải đảo, xem khắp hình thế núi sông, muốn biết dân tình đau khổ và đường đi xa gần thế nào” [20]²⁴. Năm sau, mùa Xuân, vua Lý Anh Tông “lại đi tuần các hải đảo ở địa giới các phiên bang Nam Bắc, vẽ bản đồ ghi chép phong vật” [20]²⁵. Nhìn lại lịch sử triều Lý cùng các triều đại quân chủ khác, có thể khẳng định rằng, *hiếm có một người đứng đầu vương triều nào như vua Lý Anh Tông lại có ý thức sâu sắc về chủ quyền biển đảo và trách nhiệm với cư dân biển đến vậy*. Hẳn là đức vua, trong hai chuyến đi tuần đến các vùng hải đảo, đã trực tiếp đến Vân Đồn, trung tâm kinh tế đối ngoại quan trọng nhất của quốc gia Đại Việt [20]²⁶.

²³ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, H.,1993, tr.317.

²⁴ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, Sđd, tr.324.

²⁵ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, Sđd, tr.325.

²⁶ Sử thần Ngô Sĩ Liên cho rằng: “Anh Tông nói ngôi tuổi còn thơ ấu, việc của Đỗ Anh Vũ làm gì mà biết được, đến khi tuổi ngoại hai mươi, sai bọn Hiến Thành đem quân đi tuần nơi biên giới, lại thân đi xem khắp hình thế núi sông, muốn biết sự đau khổ dân gian và đường đi xa gần, về mặt giữ dân giữ nước, quy mô đã thấy rõ”. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.326.

Như vậy, cùng với ý thức về việc bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia, nhà Lý cũng đã đi đến một sự lựa chọn, một quyết sách táo bạo là lập một địa điểm giao thương quốc tế, mở ra môi trường kinh doanh mới, thuận lợi cho thương nhân trong nước, quốc tế đến giao lưu, buôn bán. Môi trường đó, với các vụng biển sâu, kín gió không những có thể bảo đảm an toàn cho các đoàn thuyền buôn mà còn nằm trong giao điểm chính của tuyến giao thương cận duyên Đông Nam Á. Mở rộng tầm nhìn chúng ta thấy, các hoạt động của hải trang Vân Đồn, một trung tâm kinh tế, bang giao ở phía Bắc kết hợp với hệ thống chợ trải dọc vùng biên (các Bạc dịch trường) giáp Trung Quốc, đã kết nối với tuyến buôn bán đường biên phía Tây Nam và cuối cùng là các thương cảng miền Đông Nam mà trung tâm là các cảng vùng Nghệ - Tĩnh. Các trung tâm giao thương đó, với vai trò điều phối của kinh đô Thăng Long, đã tạo nên *tứ giác kinh tế* của vương triều Lý. Sự hiện diện của trung tâm kinh tế Đông Bắc đã góp phần hoàn thiện hóa hệ thống kinh tế đối ngoại đồng thời tạo nên thế cân bằng quyền lực, trung lập hóa quan hệ ngoại giao, giao lưu kinh tế với các quốc gia khu vực²⁷.

Một số nhà nghiên cứu thường nhấn mạnh đến “tinh thần cảnh giác”, “ý thức bảo vệ an ninh” của các triều đại Lý, Trần và đặc biệt là chính quyền Lê sơ trong các hoạt động kinh tế đối ngoại. Điều đó đúng bởi lẽ môi trường biển luôn không ngừng biến đổi, ẩn tàng nhiều mối nguy cơ đến từ các thế lực chính trị phương Bắc. Thêm vào đó, ở vùng chủ quyền Đông Bắc, đặc khu kinh tế Vân Đồn cũng như vùng biển phía Nam giáp với Champa luôn là mục tiêu nhòm ngó của một số quốc gia láng giềng ở phương Nam. Ý thức sâu sắc về chủ quyền đất nước, chính quyền Thăng Long đã dành nhiều sự quan tâm cho vùng biển đảo. Cùng với việc

²⁷ Có thể xem một số chuyên khảo trong: *Phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội - Văn hiến, Anh hùng, vì Hòa bình*, Nxb. Đại học Quốc gia, H., 2010; Nguyễn Quang Ngọc (Cb.): *Vương triều Lý (1009-1226)*, Nxb. Hà Nội, 2010; Nguyễn Văn Kim: *Tình hệ thống và quy mô của thương cảng Vân Đồn – Nhận thức về vai trò và vị thế của một thương cảng*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 9 (97), 2009.

thiết lập sự quản chế, cử những quan lại, võ tướng tài danh đến trấn giữ các vùng biển đảo, đặc biệt là các cửa biển trọng yếu, các triều đại quân chủ còn chú trọng xây dựng lực lượng thủy quân, đúc rút kinh nghiệm, tri thức biển để tổ chức thành công nhiều trận chiến trên biển, vùng cửa biển. Vào thế kỷ XI-XV, vùng biển đảo Đông Bắc và các cảng vùng Nghệ Tĩnh không chỉ là trung tâm kinh tế đối ngoại quan trọng của đất nước mà còn là phen dậu của quốc gia Đại Việt.

Trong và sau 3 cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thế kỷ XIII, nhà Trần luôn ý thức hết sức sâu sắc về vai trò và vị thế của biển, đảo trong việc bảo vệ chủ quyền, an ninh đất nước. Chiến thắng Vân Đồn và Bạch Đằng năm 1288 cũng như các cuộc rút lui chiến lược của quân dân Đại Việt về vùng duyên hải Đông Bắc đã cho thấy nghệ thuật quân sự, khả năng và tri thức biển sâu sắc của giới lãnh đạo nhà Trần. Vương triều Trần đã phát huy tối đa lợi thế của điều kiện tự nhiên để chế ngự và đi tới chiến thắng kẻ thù. *Toàn thư* cũng cho biết, vào thời Trần Dụ Tông (cq: 1341-1369), mùa Đông, tháng 10 năm 1362, nhà Trần cho đào hồ Lạc Thanh ở vườn ngự trong hậu cung. Trong hồ xếp đá làm núi, bốn mặt chảy thông nhau. Trên bờ hồ trồng thông, tre và các thứ hoa thơm cỏ lạ. Lại nuôi chim quý, thú lạ trong đó. “Lại đào một hồ nhỏ khác. Sai người Hải Đông chở nước mặn chứa vào đó, đem các thứ hải vật như đồi mồi, cua, cá nuôi ở trong hồ” [20]²⁸. Là một triều đại có tư duy hướng biển mạnh mẽ, văn hoá biển đã trở thành một nhu cầu sống, thường thức không thể thiếu của giới quan lại, quý tộc Thăng Long.

Đến thời Mạc (1527-1592), trước những chuyển biến sâu sắc của đất nước, nhiều ngành kinh tế công thương nghiệp đã có sự phát triển trội vượt. Nhà Mạc cũng rất coi trọng kinh tế thương nghiệp, hải thương. Sự xuất hiện với độ trù mật cao của các pho tượng Quan Âm Nam Hải, vị thần che chở cho các đoàn thuyền buôn và thờ Chủ Đổng Tử (một trong Tứ bất tử), như

là Thủy tổ của nghề buôn sông, buôn biển [18]²⁹ ở 72 làng ven theo các ngôi chùa vùng ven sông Hồng, Thái Bình cũng như sự hiện diện của các bãi “sành Mạc” trải rộng khắp vùng Đông Bắc đã cho thấy chính sách khuyến thương, hướng biển của triều đại này. Và ngay cả triều Lê sơ (1428-1527), một triều đại vốn vẫn được coi là có tư duy châu thổ mạnh mẽ, cũng đã tranh thủ những điều kiện thuận lợi mà thời đại đem lại để thúc đẩy, mở rộng kinh tế hải thương [21]³⁰. Cũng cần phải nói thêm là, sau những cuộc tấn công, đốt phá kinh thành Thăng Long của quân đội Chăm-pa cuối thế kỷ XIV, đến thế kỷ XV, sau kháng chiến chống Minh (1407-1427), dưới triều Lê Thánh Tông (cq: 1460-1497) chính quyền Thăng Long đã thực thi chính sách hướng Nam mạnh mẽ. Sự kiện năm 1471 không chỉ cho thấy một quyết định chiến lược nhằm ngăn chặn mối đe dọa từ phương Nam, tạo nên thế phòng thủ có chiều sâu mà còn cho thấy tầm nhìn của chính quyền Thăng Long về vị thế của các thương cảng miền Trung trong các hoạt động kinh tế đối ngoại.

Đến thế kỷ XVI-XVIII, trong thời đại hoàng kim của hệ thống hải thương châu Á, chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài và chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong đều thực thi nhiều chính sách kinh tế đối ngoại tích cực. Trong lịch sử Việt Nam chưa có thời đại nào có quan hệ đa dạng, rộng mở như thời kỳ này. Điều đáng chú ý là, ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn không những đã thực thi nhiều chính sách đối ngoại tích cực (như cho phép một số tập đoàn thương nhân Nhật Bản, Trung Hoa,.. được chọn địa điểm buôn bán, được thiết lập chế độ tự quản, được hưởng chế độ ưu đãi thuế

²⁸ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1993, tr.143.

²⁹ Trần Quốc Vượng: *Máy vấn đề về nhà Mạc*, Sđd, tr.164. Để hiểu thêm về chợ làng và mối quan hệ giữa hai thế giới tâm linh (chùa) và nhu cầu trần thế (chợ) có thể tham khảo Nguyễn Đức Nghinh: *Máy nét phác thảo về chợ làng*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5 (194), 1980, tr.50-64; hay *Chợ chùa ở thế kỷ XVII*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 (187), 1979.

³⁰ Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Mạnh Dũng: *Truyền thống và hoạt động thương mại của người Việt - Thực tế lịch sử và nhận thức*; trong Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN: Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII, Nxb. Thế Giới, H., 2007, tr.333-346.

quan,...) mà còn đa phương hóa được các mối quan hệ quốc tế, giữ vững chủ quyền và luôn nắm được quyền chủ động về ngoại giao. Các chúa Nguyễn còn cho lập đội Hoàng Sa, Bắc Hải để khai thác các nguồn lợi biển, tiến hành các đợt khảo sát, tuần tra, vẽ bản đồ, cắm mốc giới để khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên các đảo, quần đảo [22]³¹.

Thực tế lịch sử cho thấy, trong thời kỳ cầm quyền, chính quyền Đàng Trong cũng đã phải liên tục đối chọi với những thách thức chính trị, an ninh từ biển. Sau khoảng hai thế kỷ chủ yếu tiến hành cướp bóc ở vùng biển Đông Bắc Á, đến thế kỷ XVI, nhiều toán *wako* (Hòa khấu) đã mở rộng hoạt động xuống vùng biển Đông Nam Á. Năm 1578, *wako* đã đến vùng biển thuộc hải phận Đàng Trong và cướp thuyền của thương nhân Trung Hoa là Trần Bảo Tùng đang vận chuyển đồng, sắt và đồ gốm đến Quảng Nam [23]³². *Đại Nam thực lục tiền biên* cũng ghi lại sự kiện năm 1585, cướp biển Nhật Bản có tên là Bạch Tàn Hiển Quý (*Shirahama Kenchi*), đã chỉ huy một đoàn thuyền lớn gồm 5 chiếc đến cướp ở vùng Cửa Việt. Lực lượng này đã bị hải quân của chúa Nguyễn gồm 10 chiến thuyền do Nguyễn Phúc Nguyên (1563-1634) chỉ huy tấn công, đánh tan 2 chiếc, “từ đó giặc biển im hơi” [22]³³! Thái độ kiên quyết đó của chúa Nguyễn không chỉ đã bảo vệ được toàn vẹn chủ quyền của Đàng Trong, góp phần cùng với các quốc gia trong khu vực giải trừ nạn hải tặc, đem lại môi trường ổn định cho giao thương quốc tế mà còn khiến chính quyền Nhật Bản phải có ý thức đầy đủ hơn trong việc thiết lập và duy trì mối bang giao với các quốc gia khu vực [24]³⁴. Và

cũng nhờ biện pháp cương quyết đó mà chính quyền Thuận Hóa không những đã thiết lập được quan hệ chính thức với Nhật Bản mà các thuyền *Châu ấn* còn trở thành những bạn hàng trọng yếu của Đàng Trong trong suốt hơn ba thập niên đầu thế kỷ XVII. Như vậy, việc xử lý thỏa đáng mối quan hệ với Nhật Bản của Nguyễn Hoàng - Nguyễn Phúc Nguyên đã để lại cho Đàng Trong những kinh nghiệm quý trong quan hệ quốc tế. *Chủ trương đối ngoại mềm dẻo nhưng cương quyết bảo vệ chủ quyền đã tạo nên tiền lệ trong cách thức ứng xử với các thương nhân và thế lực quốc tế khi đến buôn bán, thiết lập quan hệ với Đàng Trong.*

Trong quan hệ đối ngoại, chúa Nguyễn đã dựa vào các quốc gia truyền thống, tức thế lực phương Đông để đối chọi với phương Tây. Đồng thời, cũng lấy chính sức mạnh kinh tế, kỹ thuật, vũ khí phương Tây trong đó đặc biệt là Bồ Đào Nha để điều phối các mối quan hệ, giảm thiểu áp lực của một số thế lực chính trị châu Á cũng như Anh, Hà Lan,... Do việc giải quyết tương đối thành công mối quan hệ với các quốc gia khu vực và phương Tây, xử lý hài hòa vấn đề lợi ích giai cấp và quyền lợi dân tộc, các chúa Nguyễn không chỉ đã mở rộng được ảnh hưởng xuống phương Nam mà còn xác lập được quyền quản lý thực tế trên các vùng đất mới với một ý thức dân tộc mạnh mẽ.

3. Kết luận

Trong lịch sử, biển và văn hóa biển đã trở thành một bộ phận hợp thành của văn hóa dân tộc. Từ huyền thoại về biển đến cơ tầng văn hóa biển, từ truyền thống khai thác biển đến tư duy hướng biển, từ năng lực thủy quân [25-26]³⁵ đến khả năng phát triển hải thương,... tất cả đều cho thấy dân tộc ta đã sớm gắn thân với biển,

³¹ *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb. Giáo Dục, H., 2002, tr.164. Tham khảo thêm Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1977, tr.119-120.

³² Iwao Seiichi: *Châu ấn thuyền và Phố Nhật*, Nxb. Hakusendo, Tokyo, 1962, tr.15.

³³ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sđd, tr.32.

³⁴ Từ năm 1592 đến 1598, Toyotomi Hideyoshi đã huy động những đạo quân lớn tổng cộng lên đến 340.000 người mở hai cuộc tấn công xâm lược Triều Tiên đồng thời nuôi tham vọng chiếm Trung Quốc và một số vùng đất ở Đông Nam Á. Xem Nguyễn Văn Kim: *Chính sách*

đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa - Nguyên nhân và hệ quả, Nxb. Thế Giới, H., 2000, tr.117-118.

³⁵ Phan Huy Lê - Bùi Đăng Dũng - Phan Đại Doãn - Phạm Thị Tâm - Trần Bá Chí: *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, Nxb. Quân đội Nhân dân, H., 2004; Nguyễn Việt - Vũ Minh Giang - Nguyễn Mạnh Hùng: *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm*, Nxb. Quân đội Nhân dân, H., 1983.

sớm có tư duy hướng biển và thể hiện khả năng khai thác biển, làm chủ biển khơi [27-30]³⁶.

Trải qua các triều đại từ Lý, Trần, Lê sơ, Lê Trung Hưng đến chúa Nguyễn, rồi vương triều Nguyễn,... các chính quyền quân chủ đều rất chú trọng đến môi trường kinh tế biển, bảo vệ an ninh, chủ quyền lãnh hải [31]³⁷. Trong thời đại hoàng kim của hệ thống hải thương châu Á, cũng như nhiều dân tộc phương Đông, Việt Nam vừa đồng thời đón nhận, xác lập quan hệ vừa chịu nhiều áp lực kinh tế, chính trị, tôn giáo,... từ các cường quốc phương Tây. Trong bối cảnh đó, các triều đại quân chủ đã sớm ban hành và thực hiện nhiều chủ trương, chính sách phù hợp, thể hiện tầm nhìn chiến lược nhằm xác lập chủ quyền, khai thác các nguồn lợi từ biển, bảo vệ các hoạt động kinh tế đối ngoại. Điều đáng chú ý là, các triều đại đó không chỉ đã thực thi chính sách hướng biển tích cực mà còn mở rộng ảnh hưởng, ngăn chặn kịp thời âm mưu xâm phạm chủ quyền của các cường quốc, để chế đại dương (*Maritime empires*).

Có thể nói, truyền thống kinh tế, văn hoá biển và năng lực chinh phục biển khơi trong lịch sử dân tộc không chỉ là tiềm năng, vốn sống, vốn tri thức mà còn tạo nên niềm tin, động lực để Việt Nam ngày nay tiếp tục tiến ra biển lớn, thực hiện thành công “Chiến lược biển”, xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm, các đặc khu hành chính - kinh tế trên các vùng biển đảo, phát triển khai thác du lịch - dịch vụ biển, phát triển hải thương, mở rộng quan hệ với các quốc gia khu vực và thế giới.

³⁶ *Đô thị cổ Hội An*, Ủy ban Quốc gia Hội thảo Quốc tế về Đô thị cổ Hội An; Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1991; Viện Đông Nam Á: *Biển với người Việt cổ*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H., 1996; Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN: *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, Nxb. Thế Giới, H., 2007; Trần Quốc Vương: *Việt Nam - Cái nhìn địa - văn hoá*, Nxb. Văn hoá Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, H., 1998; Lê Xuân Diệm - Đào Linh Côn - Võ Sĩ Khải: *Văn hóa Óc Eo - Những khám phá mới*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1995...

³⁷ Nguyễn Quang Ngọc: *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa: Tư liệu và sự thật lịch sử*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2017.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Khắc Sừ: Di chỉ tiền sử Cái Bèo, đảo Cát Bà, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2009, tr.271.
- [2] Vũ Quỳnh: Tân đình Lĩnh Nam chí quái, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1993.
- [3] Yamamoto Tatsuro: Myths Explaining the Vicissitudes of Political Power in Ancient Vietnam, Acta Asiatica No. 18, 1970.
- [4] Lương thư, Tư liệu Trung Quốc viết về Việt Nam và Đông Nam Á, Phòng Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH & NV, số TL 558.
- [5] G. Coedès: The Indianized States of Southeast Asia, University of Hawaii Press, Honolulu, 1968, p. 37.
- [6] Phan Huy Lê: Qua di tích Văn hoá Óc Eo và thư tịch cổ thử nhận diện nước Phù Nam, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 11 (379) 2007.
- [7] Trình Năng Chung: Khảo cổ học tiền sử Vân Đồn (Quảng Ninh) - Tư liệu và nhận thức, Tạp chí Khảo cổ học, số 6 (156), 2008.
- [8] Nguyễn Khắc Sừ: Di chỉ tiền sử Cái Bèo, Đảo Cát Bà, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2009.
- [9] Hà Văn Tấn (Cb.): Khảo cổ học Việt Nam, Tập I, Thời đồ đá, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1998.
- [10] Nguyễn Duy Thiệu: Các cộng đồng ngư dân thủy cư ở vùng biển Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6, 2003.
- [11] Nguyễn Lâm Cường: Đặc điểm nhân chủng của cư dân văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1996.
- [12] Ngô Đức Thịnh - Nguyễn Việt: Thuyền bè truyền thống Việt Nam (Đặt một số vấn đề dưới góc độ dân tộc học), Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 6, 1984, tr.48-55 & 82.
- [13] Piétri: Ba loại thuyền buồm ven biển Đông Dương ít được biết đến, Tạp chí Xưa và Nay, số 134, tháng 2, 2003, tr.30-32.
- [14] Li Tana: Thuyền và kỹ thuật đóng thuyền ở Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, Tạp chí Xưa và Nay, số 131, tháng 1, 2003, tr.21-23.
- [15] Nguyễn Duy Thiệu: Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 2002.
- [16] Ngô Đức Thịnh (Cb.): Văn hoá dân gian làng ven biển, Nxb. Văn hoá Dân tộc, H., 2000.
- [17] Lê Tác: An Nam chí lược, Nxb. Thuận Hoá - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, H., 2002.
- [18] Trần Quốc Vương: Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm, Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, H., 2000.
- [19] Hà Văn Tấn: Theo dấu các văn hoá cổ, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1997.

- [20] Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1993.
- [21] Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Mạnh Dũng: Truyền thống và hoạt động thương mại của người Việt - Thực tế lịch sử và nhận thức; trong Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN: Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII, Nxb. Thế Giới, H., 2007
- [22] Đại Nam thực lục tiền biên, Nxb. Giáo Dục, H., 2002.
- [23] Iwao Seiichi: Châu ấn thuyền và Phố Nhật, Nxb. Hakusendo, Tokyo, 1962.
- [24] Nguyễn Văn Kim: Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa - Nguyên nhân và hệ quả, Nxb. Thế Giới, H., 2000.
- [25] Phan Huy Lê - Bùi Đăng Dũng - Phan Đại Doãn - Phạm Thị Tâm - Trần Bá Chí: Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc, Nxb. Quân đội Nhân dân, H., 2004.
- [26] Nguyễn Việt - Vũ Minh Giang - Nguyễn Mạnh Hùng: Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm, Nxb. Quân đội Nhân dân, H., 1983.
- [27] Đô thị cổ Hội An, Ủy ban Quốc gia Hội thảo Quốc tế về Đô thị cổ Hội An; Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1991.
- [28] Viện Đông Nam Á: Biển với người Việt cổ, Nxb. Văn hóa Thông tin, H., 1996. Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN: Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII, Nxb. Thế Giới, H., 2007.
- [29] Trần Quốc Vượng: Việt Nam - Cái nhìn địa - văn hoá, Nxb. Văn hoá Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, H., 1998.
- [30] Lê Xuân Diệm - Đào Linh Côn - Võ Sĩ Khải: Văn hóa Ốc Eo - Những khám phá mới, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1995.
- [31] Nguyễn Quang Ngọc: Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa: Tư liệu và sự thật lịch sử, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2017.

Sea-oriented Thought, Policies for Protection of Marine Sovereignty and Resources in Vietnamese History

Nguyen Van Kim

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Abstract: Since the centuries of BC and AD, the well-known Dong Son culture, Sa Huynh – Champa culture, Oc Eo-Funan culture emerged in the territory of Vietnam – a SouthEast Asian country. It is clear to find the maritime culture in the sense of these cultures’ masters. Through the maritime economic and cultural routes, these ancient cultures had connections with cultural and civilizations centres in the East and the world.

Vietnamese sea was the main route for exchanging cultures, economies with the outside world thanks to the sea with potentials, natural seaports, as well as important position for commercial and trading activities. After the Chinese domination, stepping into the independence period, such dynasties as Ly (1009 – 1225), Tran (1226 – 1400), Early Le (1428 – 1527), Le-Trinh in Tonkin, and Nguyen in Cochinchina (16th-18th centuries) were clearly aware of the sovereignty over seas and islands, and its role in foreign economic relations for national development.

Embracing the development trend of the world economy, Nguyen lords focused on developing the foreign trade. Therefore, Cochinchina became a prosperous kingdom, as well as a big commercial centre in Southeast Asia. Building a strong economical base, including foreign trade, did not only bring about a fresh look for the Cochinchinese economy, but also create the fundamental conditions for the authority to enhance the power and to widen and defend the territory and national sovereignty.

Keywords: Sea, sea-oriented mindset, policies, marine sovereignty, marine resources.